

**BỘ TƯ PHÁP****BỘ TƯ PHÁP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2008/TT-BTP

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2008

**THÔNG TƯ****hướng dẫn một số nội dung về tổ chức cán bộ  
các cơ quan thi hành án dân sự địa phương**

*Căn cứ Pháp lệnh thi hành án dân sự ngày 14 tháng 01 năm 2004;*

*Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Nghị định số 50/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ*

*về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước;*

*Để thống nhất áp dụng các quy định về công tác tổ chức cán bộ cơ quan thi hành án dân sự địa phương, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điểm sau đây:*

Phần thứ nhất:  
**TUYỂN DỤNG, TIẾP NHẬN  
CÔNG CHỨC**

**I. NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN VÀ  
HỒ SƠ TUYỂN DỤNG, TIẾP  
NHẬN CÔNG CHỨC**

Việc tuyển dụng, tiếp nhận công chức cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và các quy định sau đây:

1. Nguyên tắc tuyển dụng, tiếp nhận công chức:

1.1. Chỉ tuyển dụng, tiếp nhận công chức đối với các ngạch còn thiếu, không được lấy chỉ tiêu của ngạch này để tuyển dụng, tiếp nhận ngạch khác. Không kết hợp việc tuyển dụng, tiếp nhận để nâng bậc lương, nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại cho công chức không đúng quy định của pháp luật;

1.2. Không tiếp nhận những trường hợp đang thi hành kỷ luật từ các cơ quan và các ngành khác sang cơ quan thi hành án dân sự;

1.3. Người được tuyển dụng, tiếp nhận vào cơ quan thi hành án dân sự phải là người có sức khỏe tốt, không có dị tật, dị hình làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

1.4. Bảo đảm để các cơ quan thi hành án dân sự thực hiện có hiệu quả chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí được quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Thông tư số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

2. Điều kiện tuyển dụng, tiếp nhận công chức:

2.1. Điều kiện tham dự thi tuyển hoặc tiếp nhận công chức:

Việc tuyển dụng, tiếp nhận công chức các cơ quan thi hành án dân sự phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định của pháp luật và các điều kiện sau:

2.1.1. Đối với ngạch chuyên viên pháp lý:

Phải là người có bằng cử nhân luật trở lên do các trường đại học trong nước cấp hoặc tốt nghiệp đại học ngành luật ở nước ngoài được công nhận tại Việt Nam;

2.1.2. Đối với các ngạch kế toán:

a) Đối với ngạch kế toán viên của Thi hành án dân sự cấp tỉnh phải là người có bằng đại học chuyên ngành kế toán trở lên;

b) Đối với ngạch kế toán viên trung cấp của Thi hành án dân sự cấp huyện phải là người có bằng trung học chuyên nghiệp ngành kế toán trở lên;

2.1.3. Đối với các ngạch khác như: văn thư, lưu trữ, đánh máy phải có các văn bằng, chứng chỉ đào tạo chuyên ngành phù hợp. Riêng ngạch văn thư, lưu trữ của Thi hành án dân sự cấp tỉnh và Thi hành án dân sự thuộc các quận, thành phố thuộc tỉnh phải có bằng trung học chuyên nghiệp ngành văn thư, lưu trữ trở lên;

2.1.4. Trường hợp ở vùng cao, vùng

sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo không có người đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại tiết 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3 điểm 2.1 khoản 2 mục này và những trường hợp đặc biệt khác thì Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định.

2.2. Điều kiện xét tuyển dụng công chức:

Những người thuộc các trường hợp quy định tại điểm 2.1 khoản 2 mục này tình nguyện làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo hoặc để đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở vùng dân tộc ít người thì có thể được xét tuyển dụng. Người được xét tuyển dụng phải cam kết làm việc tại nơi được xét tuyển dụng ít nhất là năm năm, trừ những trường hợp do nhu cầu điều động, luân chuyển công tác.

3. Hồ sơ tuyển dụng, tiếp nhận công chức:

3.1. Hồ sơ thi tuyển, xét tuyển dụng công chức gồm có:

3.1.1. Đơn xin dự thi tuyển dụng (đối với trường hợp dự thi) hoặc đơn xin xét tuyển dụng (đối với trường hợp xét tuyển dụng);

3.1.2. Lý lịch cá nhân có dán ảnh, có xác nhận và đóng dấu giáp lai của cơ quan có thẩm quyền (theo mẫu của Bộ Nội vụ);

3.1.3. Bản sao giấy khai sinh;

3.1.4. Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế từ bệnh viện tuyến huyện trở lên;

3.1.5. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ phù hợp với ngạch cần tuyển;

3.1.6. 02 ảnh của thí sinh dự thi (cỡ 4x6).

Lý lịch cá nhân, giấy khám sức khỏe chỉ có giá trị trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

3.2. Trường hợp tiếp nhận công chức từ cơ quan khác thì ngoài những nội dung được nêu tại tiết 3.1.2, 3.1.3, 3.1.4, 3.1.5 điểm 3.1 khoản 3 phần này, hồ sơ phải bổ sung các tài liệu sau:

3.2.1. Bản kiểm điểm cá nhân;

3.2.2. Lý lịch cá nhân thể hiện rõ quá trình công tác, lý do chuyển công tác và có xác nhận của cơ quan, đơn vị;

3.2.3. Bản sao Sổ bảo hiểm xã hội;

3.2.4. Quyết định tuyển dụng tại cơ quan cũ;

3.2.5. Quyết định lương hiện hưởng.

## II. NỘI DUNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

Nội dung thi tuyển công chức thực

hiện theo quy định của pháp luật và quy định sau đây:

1. Đối với ngạch chuyên viên pháp lý: Nội dung môn thi hành chính Nhà nước tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau:

1.1. Hệ thống tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; hệ thống tổ chức của các cơ quan Tư pháp;

1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của cơ quan thi hành án dân sự;

1.3. Địa vị pháp lý của Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Chuyên viên pháp lý.

2. Đối với các ngạch kế toán:

2.1. Nội dung thi thực hiện theo quy định tại điểm 1.1, 1.2 khoản 1 mục II phần này;

2.2. Địa vị pháp lý của Kế toán viên, Kế toán viên trung cấp.

3. Đối với các ngạch văn thư, lưu trữ, đánh máy, thủ kho, thủ quỹ:

Những trường hợp người dự tuyển vào các cơ quan thi hành án dân sự có bằng trung học chuyên nghiệp ngành văn thư, lưu trữ, đánh máy, nếu dự tuyển vào ngạch công chức loại B thì phải tổ chức thi tuyển với nội dung được quy định tại điểm b khoản 4 mục I Thông tư số 07/2007/TT-BNV ngày 04 tháng 7

năm 2007 của Bộ Nội vụ. Đối với những trường hợp có chứng chỉ nghề văn thư, lưu trữ, đánh máy, nếu dự tuyển vào ngạch công chức loại C thì Hội đồng tuyển dụng công chức cơ quan thi hành án dân sự căn cứ vào các văn bằng, chứng chỉ, sức khỏe, phẩm chất của người dự tuyển (có thể kết hợp với kiểm tra trực tiếp tay nghề) để quyết định tuyển dụng.

### III. TỔ CHỨC THI TUYỂN, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC

1. Lập kế hoạch tổ chức thi tuyển:

Căn cứ chỉ tiêu biên chế được phân bổ và nhu cầu tuyển dụng công chức của các cơ quan thi hành án dân sự địa phương, Trường Thi hành án dân sự cấp tỉnh lập kế hoạch tổ chức thi tuyển công chức, báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp phê duyệt. Trên cơ sở phê duyệt của Giám đốc Sở Tư pháp, Trường Thi hành án dân sự cấp tỉnh thông báo công khai kế hoạch tổ chức thi tuyển tại trụ sở cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh và đăng tải trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng: báo nói, báo viết, báo hình tại địa phương để mọi người biết và đăng ký dự tuyển, đồng thời gửi một bản về Cục Thi hành án dân sự. Nội dung thông báo gồm: tiêu chuẩn và điều kiện của người

đăng ký dự tuyển; số lượng và chức danh công chức cần tuyển dụng; hồ sơ đăng ký dự tuyển; thời gian đăng ký dự tuyển; thời gian thi tuyển; địa điểm nộp hồ sơ và lệ phí thi tuyển.

2. Tổ chức thi tuyển: Sau khi có Thông báo nêu tại khoản 1 mục này, Hội đồng tuyển dụng công chức cơ quan thi hành án dân sự tổ chức việc thi tuyển công chức, công bố kết quả thi tuyển, trình cấp có thẩm quyền quyết định công nhận kết quả thi tuyển theo quy định của pháp luật và của Bộ Tư pháp.

3. Lưu giữ hồ sơ thi tuyển: Hồ sơ, bài thi của thí sinh dự thi tuyển công chức và các tài liệu liên quan đến việc tổ chức thi tuyển phải được lưu giữ tại Thi hành án dân sự cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

#### IV. TỔ CHỨC XÉT TUYỂN DỤNG, TIẾP NHẬN CÔNG CHỨC

1. Xét tuyển dụng công chức: Những trường hợp thuộc diện xét tuyển dụng công chức, Hội đồng tuyển dụng công chức họp đánh giá và xét tuyển dụng công chức theo quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận công chức: Việc tiếp nhận công chức từ các cơ quan khác về cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn tại

Thông tư này. Căn cứ nhu cầu cán bộ và trên cơ sở đề nghị của Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp gửi hồ sơ của người dự kiến tiếp nhận vào cơ quan thi hành án dân sự về Cục Thi hành án dân sự để xem xét, phê duyệt trước khi ra Quyết định tiếp nhận.

#### V. QUYẾT ĐỊNH TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

Căn cứ kết quả thi tuyển, xét tuyển dụng công chức, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp ra quyết định tuyển dụng công chức và lập danh sách những trường hợp được tuyển dụng vào cơ quan thi hành án dân sự gửi về Cục Thi hành án dân sự (kèm theo hồ sơ, kết quả thi tuyển, xét tuyển và các tài liệu có liên quan) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định tuyển dụng để thực hiện chính sách cán bộ và kiểm tra, quản lý. Hồ sơ tuyển dụng công chức của các cơ quan thi hành án dân sự gửi về Cục Thi hành án dân sự gồm có:

1. Công văn của Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo kết quả tuyển dụng công chức cơ quan thi hành án dân sự;

2. Biên bản họp của Hội đồng tuyển dụng công chức;

3. Danh sách thể hiện kết quả thi tuyển, xét tuyển dụng công chức;

4. 01 bộ hồ sơ tuyển dụng, tiếp nhận công chức theo quy định tại điểm 3 mục I phần này.

Sau khi ra quyết định tuyển dụng công chức, Giám đốc Sở Tư pháp ra quyết định cử người hướng dẫn công chức mới được tuyển dụng theo quy định của pháp luật. Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp, phát thẻ cho công chức mới được tuyển dụng, tiếp nhận.

#### Phần thứ hai:

### NÂNG BẬC LƯƠNG, CHUYÊN XẾP LƯƠNG, NÂNG NGẠCH, CHUYÊN NGẠCH, CHUYÊN LOẠI CÔNG CHỨC

#### I. NÂNG BẬC LƯƠNG CÔNG CHỨC

##### 1. Nâng bậc lương thường xuyên

Việc nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức cơ quan thi hành án dân sự địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định sau đây:

1.1. Đối với công chức ở các ngạch Chấp hành viên cấp tỉnh, Thẩm tra viên chính và tương đương, khi đến thời hạn nâng bậc lương và có đủ các điều kiện

được nâng bậc lương theo quy định tại Thông tư số 03/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2005/TT-BNV) và Thông tư số 83/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương và các chế độ phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Thông tư số 83/2005/TT-BNV), Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh lập danh sách báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị nâng bậc lương gửi về Cục Thi hành án dân sự gồm có: Biên bản họp xét nâng bậc lương của đơn vị nơi công chức công tác, công văn đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp và danh sách công chức được nâng bậc lương. Đối với trường hợp công chức mới được tiếp nhận từ các cơ quan khác sang cơ quan thi hành án dân sự thì phải gửi kèm theo bản sao quyết định nâng bậc lương gần nhất của cơ quan cũ;

1.2. Đối với công chức ở các ngạch từ Chấp hành viên cấp huyện, Thẩm tra viên, Chuyên viên và tương đương trở

xuống, khi đến thời hạn nâng bậc lương và có đủ các điều kiện được nâng bậc lương theo quy định của pháp luật, Thủ trưởng các cơ quan thi hành án dân sự tổ chức cho công chức thuộc đơn vị xem xét, đánh giá và báo cáo Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh (đối với trường hợp người thuộc diện nâng bậc lương là công chức của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện) để trình Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Sau khi quyết định nâng bậc lương cho công chức cơ quan thi hành án dân sự địa phương, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh gửi danh sách trích ngang kèm theo quyết định nâng bậc lương của công chức về Cục Thi hành án dân sự để kiểm tra, quản lý.

## 2. Nâng bậc lương trước thời hạn:

Trình tự, thủ tục xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2005/TT-BNV, Thông tư số 83/2005/TT-BNV và Công văn số 717/BTP-THA ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn nâng bậc lương trước thời hạn.

Thời gian xét nâng bậc lương trước thời hạn từ 06 tháng, 09 tháng và 12 tháng phải tương ứng với cấp độ thành tích mà công chức đó đạt được.

## II. NÂNG NGẠCH, CHUYỂN NGẠCH, CHUYỂN LOẠI CÔNG CHỨC

1. Việc nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức cơ quan thi hành án dân sự địa phương được thực hiện theo quy định của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ công chức, Nghị định số 09/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2007 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ công chức trong các cơ quan nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Công chức được tuyển dụng vào ngạch nào thì được phân công công tác ở ngạch đó và chỉ được xem xét để nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức khi đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Căn cứ nhu cầu của các cơ quan thi hành án dân sự địa phương, Bộ Tư pháp sẽ xem xét, phê duyệt nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại cho công chức cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng chuyên loại, chuyên ngạch công chức:

2.1. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự quyết định thành lập Hội đồng chuyên loại công chức của các cơ quan thi hành án dân sự địa phương theo đề nghị của Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh. Hội đồng chuyên loại công chức của các cơ quan thi hành án dân sự địa phương gồm 05 thành viên sau đây:

- Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh;

- Các ủy viên: Trưởng phòng Tổ chức - hành chính thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh (hoặc Trưởng phòng Tổ chức cán bộ đối với Thi hành án dân sự cấp tỉnh có Phòng Tổ chức cán bộ); một Trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện; một Chấp hành viên cấp tỉnh và một Chuyên viên làm công tác tổ chức cán bộ thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh (kiêm Thư ký Hội đồng);

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng chuyên loại công chức của các cơ quan thi hành án dân sự địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.2. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra đề sát hạch đối với trường hợp xét chuyển ngạch từ các ngạch khác sang ngạch Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính thi hành án dân sự thuộc Cục Thi hành án dân sự; Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng

kiểm tra đề sát hạch đối với trường hợp xét chuyển ngạch từ các ngạch khác sang ngạch Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính thi hành án dân sự thuộc các cơ quan thi hành án dân sự địa phương. Thành phần Hội đồng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra đề sát hạch thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1327/QĐ-BTP ngày 18 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Việc cử cán bộ công chức dự thi nâng ngạch, việc thành lập Hội đồng thi nâng ngạch, nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng thi nâng ngạch và bổ nhiệm vào ngạch công chức thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

4. Việc đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và nâng ngạch cho công chức phải phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ mà công chức đang đảm nhiệm, không cử công chức đi đào tạo chuyên ngành khác với chuyên môn nghiệp vụ được giao, trừ trường hợp tự túc đi học.

### III. XẾP LƯƠNG TRONG TRƯỜNG HỢP BỔ NHIỆM LẦN ĐẦU, KHÔNG ĐƯỢC BỔ NHIỆM LẠI, MIỄN NHIỆM, CÁCH CHỨC CHẤP HÀNH VIÊN

Công chức cơ quan thi hành án dân sự được bổ nhiệm Chấp hành viên lần đầu, không được bổ nhiệm lại hoặc miễn



nhiệm, cách chức Chấp hành viên thì phải xem xét để chuyển xếp lại ngạch, bậc lương cho phù hợp. Việc chuyển xếp lại ngạch, bậc lương cho các trường hợp này thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định sau đây:

1. Đối với những trường hợp Chấp hành viên được bổ nhiệm lần đầu thì việc chuyển xếp lại ngạch, bậc lương do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Chấp hành viên gửi về Bộ Tư pháp phải gửi kèm theo Quyết định nâng bậc lương gần nhất của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trường hợp Chấp hành viên đã hết nhiệm kỳ nhưng không được xem xét để bổ nhiệm lại thì phải chuyển xếp lại ngạch, bậc lương cho phù hợp với trình độ chuyên môn, chức danh và nhiệm vụ mới. Giám đốc Sở Tư pháp quyết định chuyển xếp lại ngạch, bậc lương (đối với các ngạch từ Chuyên viên và tương đương trở xuống) hoặc trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định chuyển xếp lại ngạch, bậc lương (đối với các ngạch từ Chuyên viên chính và tương đương trở lên) theo đúng quy định của pháp luật.

3. Đối với trường hợp miễn nhiệm Chấp hành viên hoặc cách chức Chấp hành viên, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét việc chuyển xếp lại ngạch, bậc lương cho công chức theo quy định của pháp

luật. Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm, cách chức Chấp hành viên phải có đầy đủ các tài liệu liên quan đến quá trình lương, quyết định nâng bậc lương hoặc chuyển xếp lương gần nhất. Riêng trường hợp miễn nhiệm Chấp hành viên để chuyển công tác thì việc chuyển xếp lại ngạch, bậc lương do cơ quan tiếp nhận công chức xem xét, quyết định.

### Phần thứ ba

**BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, THÔI GIỮ CHỨC VỤ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN, PHÓ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, TRƯỞNG PHÒNG, PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CHUYÊN MÔN THUỘC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CẤP TỈNH, GIAO QUYỀN TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP CHỨC VỤ**

**I. BỔ NHIỆM CHỨC VỤ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN, PHÓ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN, GIAO QUYỀN TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN; BỔ NHIỆM TRƯỞNG PHÒNG, PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CHUYÊN MÔN THUỘC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CẤP TỈNH**

1. Trình tự bổ nhiệm Trưởng Thi hành

án, Phó Trưởng Thi hành án, giao Quyền Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện:

Việc bổ nhiệm chức vụ Trưởng Thi hành án, Phó Trưởng Thi hành án, giao Quyền Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 50/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự (sau đây gọi tắt là Nghị định số 50/2005/NĐ-CP), Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo (sau đây gọi tắt là Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg) và các quy định sau đây:

1.1. Bổ nhiệm Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh:

1.1.1. Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự để thực hiện các quy trình bổ nhiệm Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh. Trên cơ sở thống nhất với Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự về dự kiến nhân sự, Giám đốc Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan có liên quan ở địa phương để tham mưu cho Thường

vụ Tỉnh ủy, Thành ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh gửi về Cục Thi hành án dân sự. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ để tham mưu trình Ban cán sự Đảng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét quyết định việc bổ nhiệm Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh.

Trường hợp Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự và Giám đốc Sở Tư pháp chưa có sự thống nhất về dự kiến nhân sự Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh thì Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự cùng với Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan ở địa phương giúp Ban cán sự Đảng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp phối hợp với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, thống nhất nhân sự;

1.1.2. Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh giúp Giám đốc Sở Tư pháp và Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự phối hợp với các cơ quan có liên quan ở địa phương thực hiện các quy trình bổ nhiệm Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh. Trên cơ sở hoàn tất hồ sơ, thủ tục, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm Phó Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh;

1.1.3. Đối với trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh hiện đang công tác ở các cơ quan thi hành án dân sự tại địa phương thì đối tượng lấy phiếu tín nhiệm bao gồm toàn thể công chức của Thi hành án dân sự cấp tỉnh và Trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện trực thuộc.

1.2. Bổ nhiệm Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện:

Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh giúp Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với cấp ủy và ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện quy trình bổ nhiệm Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện. Trên cơ sở ý kiến thống nhất bằng văn bản của cấp ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về dự kiến nhân sự, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh hoàn tất thủ tục báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp xem xét trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm Trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện hoặc quyết định bổ nhiệm Phó Trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện.

Trường hợp Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh và cấp ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa có sự thống nhất về dự kiến nhân sự Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện thì Trưởng Thi hành

án dân sự cấp tỉnh báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp phối hợp với cấp ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, thống nhất nhân sự trước khi trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm Trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện hoặc quyết định việc bổ nhiệm Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện;

1.3. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện không thuộc biên chế của cơ quan thi hành án dân sự thì phải gửi hồ sơ về Cục Thi hành án dân sự để xem xét, phê duyệt. Hồ sơ gồm có: văn bản đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp, lý lịch công chức; các văn bằng chứng chỉ; ý kiến của Thủ trưởng cơ quan nơi công chức hiện đang công tác nhận xét về quá trình công tác của người đó; ý kiến thỏa thuận đồng ý bằng văn bản về việc bổ nhiệm Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp (trường hợp đề nghị bổ nhiệm Trưởng Thi hành án, Phó Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh thì Giám đốc Sở Tư pháp thỏa thuận thống nhất với Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự trước khi trình Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến về việc bổ nhiệm các chức vụ nói trên) và những nội dung khác có liên quan.

2. Hồ sơ bổ nhiệm chức vụ Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện gồm có:

2.1. Sơ yếu lý lịch (mẫu 2a- BNV/2007 theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ);

- Bản tự kiểm điểm (theo mẫu gửi kèm Thông tư số 06/2005/TT-BTP ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chấp hành viên);

- Bản kê khai tài sản, thu nhập (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản thu nhập);

2.2. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ;

2.3. Biên bản và kết quả lấy phiếu tín nhiệm của công chức;

2.4. Ý kiến bằng văn bản của cấp ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp;

2.5. Giấy khám sức khỏe do bệnh viện đa khoa huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên cấp (còn trong thời hạn sáu tháng);

2.6. Bản nhận xét đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của Thủ trưởng đơn

vị đối với người được đề nghị bổ nhiệm chức vụ (đối với Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh do Giám đốc Sở Tư pháp nhận xét, đánh giá; đối với Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh do Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh nhận xét, đánh giá);

2.7. Văn bản đề nghị bổ nhiệm của Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh đối với trường hợp đề nghị bổ nhiệm Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Trưởng Thi hành án cấp huyện; văn bản đề nghị của Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh và văn bản đề nghị của Trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện đối với trường hợp đề nghị bổ nhiệm Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện;

2.8. Tờ trình của Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm đối với trường hợp đề nghị bổ nhiệm Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện;

2.9. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Đối với những trường hợp mới được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chấp hành viên trong thời hạn không quá sáu tháng, nay được đề nghị bổ nhiệm chức vụ Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện thì hồ sơ gửi về Bộ Tư pháp

phải có các tài liệu được nêu tại điểm 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7, 2.8 khoản này, riêng những nội dung khác quy định tại điểm 2.1, 2.2 chỉ bổ sung khi có sự thay đổi mới.

3. Giao Quyền Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện:

3.1. Trường hợp chưa có người đủ điều kiện để bổ nhiệm Trưởng Thi hành án dân sự hoặc cần phải có thời gian thử thách trước khi chính thức bổ nhiệm Trưởng Thi hành án dân sự hoặc có lý do chính đáng khác (như Trưởng Thi hành án đi học tập trung hoặc bị ốm đau kéo dài...) mà không thể quản lý, điều hành cơ quan từ ba tháng trở lên thì Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, lựa chọn người để đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tạm thời giao Quyền Trưởng Thi hành án dân sự. Người được giao Quyền Trưởng Thi hành án dân sự phải là Phó trưởng Thi hành án dân sự cùng cấp.

Hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp giao Quyền Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo quy định tại khoản 2 mục I phần này và không phải có ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.

3.2. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện chưa có Trưởng Thi hành án dân sự nhưng đã có Phó trưởng Thi hành án dân sự thì Phó

trưởng Thi hành án dân sự tạm thời được giao phụ trách cơ quan và được hưởng phụ cấp chức vụ Trưởng Thi hành án dân sự cho đến khi có Trưởng Thi hành án dân sự hoặc có người được giao Quyền Trưởng Thi hành án dân sự.

3.3. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện chưa có cả Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự thì Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện cho đến khi có Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự hoặc có người được giao Quyền Trưởng Thi hành án dân sự.

3.4. Thủ tục bổ nhiệm Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 mục I phần này. Căn cứ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện, Giám đốc Sở Tư pháp ra Quyết định bổ nhiệm theo thẩm quyền. Quyết định bổ nhiệm Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện phải ghi rõ thời hạn bổ nhiệm chức vụ là 05 năm và hệ số phụ cấp chức vụ tương ứng.

Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện phải gửi về Cục Thi hành án dân sự để theo dõi và quản lý.

4. Bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó

trường phòng chuyên môn thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh:

4.1. Quy trình thủ tục đề nghị bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg; Thông tư liên tịch số 01/2007/TTLT-BTP-BNV ngày 29 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức của Thi hành án dân sự cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4.2. Đối với trường hợp bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó trưởng phòng thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh, hồ sơ gửi Cục Thi hành án dân sự gồm có:

4.2.1. Sơ yếu lý lịch (mẫu số 02a - BNV/2007 theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ);

- Bản tự kiểm điểm;

- Bản kê khai tài sản, thu nhập (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản thu nhập);

4.2.2. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ;

4.2.3. Biên bản và kết quả lấy phiếu tín nhiệm của công chức;

4.2.4. Giấy khám sức khỏe do bệnh viện đa khoa huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên cấp (còn trong thời hạn sáu tháng);

4.2.5. Bản nhận xét đánh giá về năng lực chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh đối với người được đề nghị bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng, Phó trưởng phòng thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh;

4.2.6. Tờ trình của Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh đề nghị Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự xem xét, quyết định bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó trưởng phòng thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh;

4.2.7. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

## II. BỔ NHIỆM LẠI CHỨC VỤ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, PHÓ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN; TRƯỞNG PHÒNG, PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CHUYÊN MÔN THUỘC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CẤP TỈNH

### 1. Trình tự bổ nhiệm lại:

Việc bổ nhiệm lại Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh,

cấp huyện; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 50/2005/NĐ-CP, Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Ngoài ra còn phải thực hiện một số quy định sau đây:

1.1. Đối với trường hợp bổ nhiệm lại Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh: Trước 06 tháng tính đến thời điểm kết thúc nhiệm kỳ, Giám đốc Sở Tư pháp chủ động thực hiện các thủ tục theo đúng quy trình bổ nhiệm lại, đồng thời chủ trì cuộc họp lấy ý kiến nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ của Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh và hoàn tất hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định bổ nhiệm lại theo thẩm quyền trước khi hết nhiệm kỳ 20 ngày.

Đối với các trường hợp Phó Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh chuẩn bị hết nhiệm kỳ (trước 06 tháng), Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh chủ động thực hiện các thủ tục theo đúng quy trình bổ nhiệm lại, đồng thời chủ trì cuộc họp lấy ý kiến nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm

vụ trong nhiệm kỳ của người được xem xét đề nghị bổ nhiệm lại và hoàn tất hồ sơ trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm lại. Giám đốc Sở Tư pháp và Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn được giao, xem xét và có văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm lại trước khi hết nhiệm kỳ 20 ngày.

Những trường hợp vì lý do khách quan mà các cơ quan chức năng chưa thể xem xét đề làm thủ tục bổ nhiệm lại và vẫn đáp ứng đủ điều kiện của Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh thì người đó vẫn tiếp tục được làm nhiệm vụ Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh tối đa không quá 03 tháng kể từ ngày hết nhiệm kỳ và phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm. Hết thời hạn 03 tháng, những trường hợp chưa hoàn tất thủ tục đề đề nghị bổ nhiệm lại và cũng không được cấp có thẩm quyền quyết định giao quyền (đối với trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm lại là Trưởng Thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng chuyên môn thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh) thì tạm thời không được làm nhiệm vụ

cũ cho đến khi có quyết định mới của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm.

1.2. Đối với các trường hợp hết nhiệm kỳ nhưng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 50/2005/NĐ-CP thì vẫn phải làm các thủ tục cần thiết như đối với trường hợp tại điểm 1.1 khoản 1 mục này và hoàn tất hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ, nếu người đó vẫn có đủ điều kiện để tiếp tục giữ chức vụ cũ.

2. Hồ sơ bổ nhiệm lại gồm có:

2.1. Các tài liệu theo quy định tại điểm 2.1; 2.2; 2.4; 2.5; 2.6; 2.7; 2.9 khoản 2 mục I phần này;

2.2. Biên bản lấy ý kiến nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ của người được xem xét đề nghị bổ nhiệm lại;

2.3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Đối với hồ sơ bổ nhiệm lại Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh thì phải có văn bản của Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh về việc đề nghị bổ nhiệm lại Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh và các tài liệu theo quy định tại điểm 4.2 mục I phần này (trừ tiết 4.2.6 điểm 4.2 mục I phần này).

Phần thứ tư

## ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN, BIỆT PHÁI, THUYỀN CHUYỂN CÔNG CHỨC

### I. NGUYÊN TẮC CHUNG

Việc điều động, luân chuyển, biệt phái, thuyền chuyển công chức, Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự phải căn cứ vào nhu cầu công tác, trình độ, năng lực của công chức, đảm bảo công khai, dân chủ, khách quan theo đúng quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Tư pháp và phải có ý kiến bằng văn bản của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nơi công chức được điều động đi và nơi công chức được điều động đến. Trường hợp nếu các cơ quan này không đồng ý nhưng không nêu rõ lý do hoặc lý do không thuyết phục thì Giám đốc Sở Tư pháp vẫn quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Khi tiến hành điều động, luân chuyển, biệt phái công chức, Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự phải tính đến các yếu tố khác như hoàn cảnh gia đình, điều kiện có thể thích nghi của công chức đối với đơn vị mới, đặc biệt là phải làm tốt công tác tư tưởng. Trong trường hợp đã điều động, thuyết phục và người được điều động, luân chuyển có điều kiện để



thực hiện nhưng không thực hiện thì Giám đốc Sở Tư pháp vẫn quyết định.

## II. ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN, BIỆT PHÁI CHẤP HÀNH VIÊN, TRƯỞNG THI HÀNH ÁN, PHÓ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

1. Trình tự, thủ tục đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự địa phương từ tỉnh này đến tỉnh khác thực hiện như sau:

1.1. Trường Thi hành án dân sự cấp tỉnh nơi có Chấp hành viên được chuyển đi và Trường Thi hành án dân sự cấp tỉnh nơi có Chấp hành viên được chuyển đến chuẩn bị các thủ tục cần thiết báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định;

1.2. Trường hợp công chức được điều động, luân chuyển, biệt phái là Trường Thi hành án, Phó trường Thi hành án dân sự mà vẫn giữ nguyên chức vụ cũ thì không phải miễn nhiệm chức vụ trước khi điều động, luân chuyển, biệt phái nhưng phải có ý kiến bằng văn bản của cấp ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, nơi có Trường Thi hành án dân sự, Phó Trường Thi hành án dân sự chuyển đi và chuyển đến;

1.3. Trường hợp điều động, luân chuyển, biệt phái Trường Thi hành án, Phó trường Thi hành án dân sự nhưng có sự thay đổi chức vụ thì thực hiện như đối với các trường hợp bổ nhiệm, miễn nhiệm Trường Thi hành án dân sự, Phó trường Thi hành án dân sự quy định tại Nghị định số 50/2005/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục điều động luân chuyển Chấp hành viên cấp tỉnh trong phạm vi địa bàn tỉnh thực hiện như sau:

2.1. Trường hợp điều động tạm thời Chấp hành viên cấp tỉnh làm nhiệm vụ ở Trường Thi hành án dân sự cấp huyện thì không phải miễn nhiệm Chấp hành viên cấp tỉnh trước khi thực hiện quyết định điều động;

2.2. Trường hợp luân chuyển Chấp hành viên cấp tỉnh để nhận nhiệm vụ Trường Thi hành án dân sự, Phó trường Thi hành án dân sự cấp huyện thì phải thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục quy định về bổ nhiệm Trường Thi hành án dân sự, Phó trường Thi hành án dân sự. Ngạch, bậc lương của Chấp hành viên thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 3, Nghị định 204/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

3. Trình tự, thủ tục đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp quyết định điều động luân

chuyển Chấp hành viên cấp huyện trong phạm vi địa bàn tỉnh thực hiện như sau:

3.1. Trường Thi hành án dân sự cấp tỉnh chuẩn bị thủ tục báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, quyết định;

3.2. Việc điều động, luân chuyển Chấp hành viên trong trường hợp này vẫn phải đáp ứng đủ các thủ tục quy định tại mục I phần thứ tư của Thông tư này;

3.3. Trường hợp Trường Thi hành án dân sự, Phó trường Thi hành án dân sự được điều động, luân chuyển mà vẫn giữ nguyên chức vụ cũ thì không phải xem xét đề trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm lại chức vụ Trường Thi hành án dân sự, Phó trường Thi hành án dân sự nhưng phải thực hiện đầy đủ thủ tục quy định tại điểm 1.2 khoản 1 mục II phần này;

3.4. Trường hợp điều động, luân chuyển nhưng có sự thay đổi chức vụ (người được điều động đến sẽ được bổ nhiệm chức vụ như: Trường Thi hành án, Phó trường Thi hành án dân sự hoặc thôi giữ chức vụ Trường Thi hành án, Phó trường Thi hành án dân sự) thì thực hiện như trường hợp thỏa thuận bổ nhiệm, miễn nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự quy định tại Nghị định số 50/2005/NĐ-CP trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với chức vụ cần thay đổi, sau đó tiến hành điều động, luân chuyển.

3.5. Sau khi có quyết định điều động luân chuyển, Trường Thi hành án dân sự cấp tỉnh gửi quyết định về Cục Thi hành án dân sự, kèm theo danh sách trích ngang điều chỉnh phụ cấp (nếu có) để thực hiện việc quản lý.

### III. ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN CÔNG CHỨC KHÁC

Trường Thi hành án dân sự cấp tỉnh đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, quyết định việc điều động, luân chuyển công chức trong cơ quan thi hành án dân sự. Việc điều động, luân chuyển công chức khác của cơ quan thi hành án dân sự phải tuân thủ đầy đủ các thủ tục quy định tại mục I phần này. Sau khi có quyết định điều động luân chuyển, Trường Thi hành án dân sự cấp tỉnh gửi quyết định về Cục Thi hành án dân sự, kèm theo danh sách trích ngang điều chỉnh phụ cấp (nếu có) để thực hiện việc quản lý và điều chỉnh kinh phí.

### IV. THUYỀN CHUYỂN CÔNG CHỨC

Việc thuyền chuyển đối với công chức cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Đối với Chấp hành viên: Trên cơ sở yêu cầu công tác tổ chức cán bộ hoặc

theo nguyện vọng của Chấp hành viên, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp xem xét và có văn bản trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho ý kiến về việc Chấp hành viên chuyển công tác. Hồ sơ gửi về Bộ Tư pháp phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị đề nghị tiếp nhận công chức, đơn đề nghị chuyển công tác của Chấp hành viên, ý kiến bằng văn bản của Thủ trưởng cơ quan thi hành án nơi Chấp hành viên công tác.

Căn cứ ý kiến bằng văn bản của Bộ Tư pháp, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh trình Hội đồng tuyển chọn Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự xem xét đề nghị miễn nhiệm Chấp hành viên theo thẩm quyền.

Sau khi có Quyết định miễn nhiệm Chấp hành viên của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp quyết định cho Chấp hành viên chuyển công tác và lập danh sách giám công chức gửi về Cục Thi hành án dân sự để quản lý.

2. Đối với Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính: Khi có yêu cầu chuyển công tác đối với Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, trên cơ sở đồng ý của Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh báo cáo Cục Trưởng Cục Thi hành án dân sự hoặc Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định

việc miễn nhiệm Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính theo thẩm quyền. Căn cứ quyết định miễn nhiệm Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Giám đốc Sở Tư pháp quyết định chuyển công tác và lập danh sách giám công chức gửi về Cục Thi hành án dân sự để quản lý.

3. Đối với Chuyên viên và Kế toán viên: Việc chuyển công tác đối với Chuyên viên, Kế toán viên do Giám đốc Sở Tư pháp quyết định sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Cục Thi hành án dân sự.

4. Đối với các chức danh còn lại của cơ quan thi hành án dân sự: Việc chuyển công tác đối với các chức danh còn lại của cơ quan thi hành án dân sự do Giám đốc Sở Tư pháp quyết định theo đề nghị của Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh và lập danh sách giám công chức gửi về Cục Thi hành án dân sự để quản lý.

## Phần thứ năm XỬ LÝ KỶ LUẬT CÔNG CHỨC

Việc xử lý kỷ luật công chức cơ quan thi hành án dân sự địa phương phải thực hiện đúng quy định của pháp luật và các quy định sau đây:

1. Khi phát hiện công chức cơ quan thi hành án dân sự địa phương vi phạm kỷ luật, Giám đốc Sở Tư pháp chỉ đạo

Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh và đơn vị có công chức vi phạm tiến hành xác minh việc vi phạm, yêu cầu công chức làm bản tự kiểm điểm, tổ chức họp kiểm điểm trong đơn vị có công chức vi phạm (phải ghi thành biên bản) và lập hồ sơ để Hội đồng kỷ luật xem xét.

2. Giám đốc Sở Tư pháp ra quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật đối với công chức cơ quan thi hành án dân sự địa phương. Hội đồng kỷ luật gồm năm thành viên theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 35/2005/NĐ-CP), cụ thể như sau:

2.1. Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh (những nơi chưa có Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh thì Chủ tịch Hội đồng là Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh);

2.2. Một ủy viên Hội đồng là đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp của Thi hành án dân sự cấp tỉnh (đối với trường hợp người vi phạm là công chức thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh), Thi hành án dân sự cấp huyện (đối với trường hợp người vi phạm là công chức thuộc Thi hành án dân sự cấp huyện);

2.3. Một ủy viên Hội đồng là đại diện công chức của đơn vị có công chức vi

phạm kỷ luật (do tập thể công chức ở đơn vị đó cử);

2.4. Đối với người vi phạm kỷ luật đang công tác tại Thi hành án dân sự cấp tỉnh thì người trực tiếp quản lý hành chính và chuyên môn nghiệp vụ của người vi phạm được cử tham gia làm thành viên Hội đồng kỷ luật có thể là Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh hoặc Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh do Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh chỉ định.

Đối với người vi phạm kỷ luật đang công tác tại Thi hành án dân sự cấp huyện thì người trực tiếp quản lý hành chính và chuyên môn nghiệp vụ của người vi phạm được cử tham gia làm thành viên Hội đồng kỷ luật có thể là Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện. Trường hợp người vi phạm kỷ luật là Trưởng Thi hành án, Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện thì người trực tiếp quản lý hành chính và chuyên môn nghiệp vụ của người vi phạm được cử tham gia làm thành viên Hội đồng kỷ luật có thể là Phó trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh hoặc Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh do Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh chỉ định;

2.5. Một ủy viên Hội đồng là Trưởng

phòng Tổ chức - Hành chính thuộc Thi hành án dân sự cấp tỉnh (hoặc Trưởng phòng Tổ chức đối với Thi hành án dân sự cấp tỉnh có Phòng Tổ chức cán bộ).

3. Trường hợp Trưởng Thi hành án hoặc Phó Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh vi phạm kỷ luật thì Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật, gồm ba thành viên cụ thể như sau:

3.1. Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Tư pháp;

3.2. Một ủy viên Hội đồng là đại diện Đảng ủy cấp trên trực tiếp;

3.3. Một ủy viên Hội đồng là đại diện Ban Chấp hành Công đoàn của Thi hành án dân sự cấp tỉnh. Trường hợp Thi hành án dân sự cấp tỉnh chưa thành lập Công đoàn thì Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp của Thi hành án dân sự cấp tỉnh nơi công chức vi phạm sinh hoạt công đoàn tham gia làm ủy viên Hội đồng.

4. Ngoài các thành phần chính của Hội đồng kỷ luật được nêu tại khoản 2 và khoản 3 phần này, khi tiến hành họp Hội đồng, Hội đồng kỷ luật mời thêm đại diện Ban Nữ công (nếu công chức vi phạm là nữ), đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu công chức vi phạm là đoàn viên, thanh niên) của đơn vị nơi có người vi phạm đến dự các

phiên họp của Hội đồng kỷ luật. Đại diện được mời được quyền tham gia ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

5. Hồ sơ kỷ luật gồm có các tài liệu sau:

5.1. Bản kiểm điểm của công chức vi phạm;

5.2. Các biên bản, giấy tờ thẩm tra, xác minh vụ việc (hóa đơn, chứng từ, bảng chấm công, kết luận của cơ quan có thẩm quyền nếu có);

5.3. Biên bản họp kiểm điểm và đề nghị hình thức kỷ luật của đơn vị có công chức vi phạm;

5.4. Biên bản họp và Quyết nghị của Hội đồng kỷ luật;

5.5. Văn bản đề nghị áp dụng hình thức kỷ luật của Hội đồng kỷ luật;

5.6. Các tài liệu khác có liên quan.

Hồ sơ kỷ luật cán bộ, công chức phải được quản lý, cập nhật, lưu giữ và bảo quản theo đúng quy định.

6. Quy trình xem xét xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức cơ quan thi hành án vi phạm kỷ luật được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

7. Đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền Giám đốc Sở Tư pháp ra quyết

định xử lý kỷ luật, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh có trách nhiệm sao một bộ hồ sơ (bao gồm đầy đủ các tài liệu có liên quan) kèm theo quyết định kỷ luật gửi về Cục Thi hành án dân sự để kiểm tra, quản lý. Trường hợp thuộc thẩm quyền xử lý kỷ luật của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự hoặc Bộ trưởng Bộ Tư pháp thì trong phạm vi thẩm quyền, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh hoặc Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo và gửi toàn bộ hồ sơ, các tài liệu có liên quan về Cục Thi hành án dân sự để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

#### Phần thứ sáu

### GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ THÔI VIỆC CHO CÔNG CHỨC

1. Đối với các trường hợp xin thôi việc theo nguyện vọng cá nhân thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở Tư pháp (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 phần này), Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, quyết định. Trên cơ sở quyết định của Giám đốc Sở Tư pháp về việc cho công chức thôi việc, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh lập danh sách trích ngang tính trợ cấp thôi việc cho công chức và gửi về Cục Thi hành án dân sự để xem xét và cấp kinh phí.

Quyết định thôi việc của công chức cần quy định rõ: ngoài khoản trợ cấp cho thôi việc do Bảo hiểm xã hội địa phương chi trả, người thôi việc còn được Bộ Tư pháp giải quyết chế độ thôi việc theo Nghị định số 54/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ quy định về chế độ thôi việc, chế độ bồi thường chi phí đào tạo đối với cán bộ, công chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 54/2005/NĐ-CP). Những trường hợp xin thôi việc theo chế độ khác được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Trường hợp Chấp hành viên cấp tỉnh, Thẩm tra viên chính và tương đương trở lên có nguyện vọng xin thôi việc thì Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh lập hồ sơ báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định. Hồ sơ xin thôi việc bao gồm: công văn đề nghị của Sở Tư pháp đơn xin thôi việc của công chức, bản sao Sổ Bảo hiểm xã hội và các tài liệu khác có liên quan. Sau khi Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định cho công chức thôi việc, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh phải gửi bản sao Sổ Bảo hiểm xã hội của công chức (Sổ Bảo hiểm xã hội phải được chốt tại thời điểm công chức thôi việc) về Cục Thi hành án dân sự để tính trợ cấp thôi việc theo Nghị định số 54/2005/NĐ-CP.

Phần thứ bảy  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ  
HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 555/TT-THA ngày 10 tháng 6 năm 1993 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về công tác thi hành án dân sự.

2. Trường Thi hành án dân sự cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện có hiệu quả công tác quản lý tổ chức cán bộ theo quy định tại Quyết định số 1148/2005/QĐ-BTP, Quyết định số 01/2007/QĐ-BTP ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Quy chế ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý một số mặt công tác tổ chức, cán bộ của Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 1148/2005/QĐ-BTP và các nội dung quy định tại Thông tư này. Khẩn trương xây dựng và hoàn thiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo của Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện để trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt. Quy trình thực hiện

quy hoạch cán bộ lãnh đạo Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước. Quy hoạch Lãnh đạo Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện phải có ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cùng cấp trước khi gửi về Bộ Tư pháp phê duyệt.

3. Hồ sơ, lý lịch của công chức cơ quan thi hành án dân sự địa phương được lưu giữ và bảo quản chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật. Trường Thi hành án dân sự cấp tỉnh giúp Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện việc quản lý hồ sơ, phiếu công chức và các tài liệu khác có liên quan đến lý lịch cá nhân của cán bộ, công chức cơ quan thi hành án dân sự địa phương.

4. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này và định kỳ hàng năm báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Sở Tư pháp, Trường Thi hành án dân sự cấp tỉnh phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Hà Hùng Cường